

Access list for the 2018/19 UEFA club competitions
 Liste d'accès aux compétitions interclubs 2018/19
 Eintrittsliste für die UEFA-Klubwettbewerbe 2018/19

UEFA Champions League							Association		UEFA Europa League											
Group Stage 32 teams		Champions					League		Rank		Group 48 teams			Champions		League				
UCL TH	UEL TH	PO	Q3	Q2	Q1	PR	PO	Q3			Q2	PO	Q3	Q2	PO	Q3	Q2	Q1	PR	
CH	RU	N3	N4						1	Spain	4 UCL CH-PO	6 UCL LP-PO&Q3	6	10	20	3 UCL LP Q2				
CH	RU	N3	N4						2	Germany	CW	N5						N6		
CH	RU	N3	N4						3	England	CW	N5						N6		
CH	RU	N3	N4						4	Italy	CW	N5						N6		
CH	RU							N3	5	France	CW	N4					N5			
CH	RU							N3	6	Russia	CW				N4		N5			
CH								RU	7	Portugal	CW				N3		N4			
CH								RU	8	Ukraine	CW				N3		N4			
CH								RU	9	Belgium	CW				N3		N4			
CH								RU	10	Turkey	CW				N3		N4			
CH								RU	11	Czech Republic	CW				N3		N4			
CH								RU	12	Switzerland	CW				N3		N4			
CH								RU	13	Netherlands	CW				N3		N4			
CH								RU	14	Greece	CW				N3		N4			
CH								RU	15	Austria	CW				N3		N4			
CH								RU	16	Croatia	CW				RU		N3			
CH								RU	17	Romania	CW				RU		N3			
CH								RU	18	Denmark	CW						RU	N3		
CH								RU	19	Belarus	CW						RU	N3		
CH								RU	20	Poland	CW						RU	N3		
CH								RU	21	Sweden	CW						RU	N3		
CH								RU	22	Israel	CW						RU	N3		
CH								RU	23	Scotland	CW						RU	N3		
CH								RU	24	Cyprus	CW						RU	N3		
CH								RU	25	Norway							CW	RU	N3	
CH								RU	26	Azerbaijan							CW	RU	N3	
CH								RU	27	Bulgaria							CW	RU	N3	
CH								RU	28	Serbia							CW	RU	N3	
CH								RU	29	Kazakhstan							CW	RU	N3	
CH								RU	30	Slovenia							CW	RU	N3	
CH								RU	31	Slovakia							CW	RU	N3	
CH								RU	32	Liechtenstein							CW			
CH								RU	33	Hungary							CW	RU	N3	
CH								RU	34	Moldova							CW	RU	N3	
CH								RU	35	Iceland							CW	RU	N3	
CH								RU	36	Finland							CW	RU	N3	
CH								RU	37	Albania							CW	RU	N3	
CH								RU	38	Republic of Ireland							CW	RU	N3	
CH								RU	39	Bosnia and Herzegovina							CW	RU	N3	
CH								RU	40	Georgia							CW	RU	N3	
CH								RU	41	Latvia							CW	RU	N3	
CH								RU	42	FYR Macedonia							CW	RU	N3	
CH								RU	43	Estonia							CW	RU	N3	
CH								RU	44	Montenegro							CW	RU	N3	
CH								RU	45	Armenia							CW	RU	N3	
CH								RU	46	Luxembourg							CW	RU	N3	
CH								RU	47	Northern Ireland							CW	RU	N3	
CH								RU	48	Lithuania							CW	RU	N3	
CH								RU	49	Malta							CW	RU	N3	
CH								RU	50	Wales							CW	RU	N3	
CH								RU	51	Faroe Islands							CW	RU	N3	
1Q	CH							RU	52	Gibraltar							CW	RU	N3	
CH								RU	53	Andorra							CW	RU	N3	
CH								RU	54	San Marino							CW	RU	N3	
CH								RU	55	Kosovo							CW	RU	N3	

- TH = titleholder / tenant du titre / Titel
- CH = domestic champion / champion national / Landesmeister
- RU = domestic championship runner-up / vice-champion national / Vizelandesmeister
- N3 = domestic championship 3rd-placed club / 3e du championnat national / 3. der nationalen Meisterschaft
- N4 = domestic championship 4th-placed club / 4e du championnat national / 4. der nationalen Meisterschaft
- N5 = domestic championship 5th-placed club / 5e du championnat national / 5. der nationalen Meisterschaft
- N6 = domestic championship 6th-placed club / 6e du championnat national / 6. der nationalen Meisterschaft
- CW = domestic cup winner / vainqueur de la coupe nationale / nationaler Pokalsieger
- Q = qualifying rounds / tours de qualification / Qualifikationsrunden
- PO = play-offs / matches de barrage / Playoffs
- UCL = UEFA Champions League
- UEL = UEFA Europa League